

Số: 14 /2021/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 24 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính
phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 477/TTr-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xin thông qua Nghị quyết về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Chế độ, định mức chi tiêu này nhằm bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre, gồm các nội dung:

a) Chi tổ chức các phiên họp, kỳ họp Hội đồng nhân dân; đối thoại, hội nghị, giám sát, khảo sát, thẩm tra, chất vấn.

b) Chi hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và trả lời đơn thư, khiếu nại của công dân.

c) Một số nội dung chi và chính sách hỗ trợ khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Đối tượng áp dụng: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, các tổ chức, cá nhân liên quan và các đối tượng khác tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

3. Chế độ, định mức: Theo phụ lục đính kèm.

4. Nguồn kinh phí:

Chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre được quy định tại Nghị quyết này do ngân sách Nhà nước bảo đảm, đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì được bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước của Hội đồng nhân dân cấp đó.

5. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT UBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Nh.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến



Phụ lục

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TỈNH BẾN TRE**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Chế độ kỳ họp Hội đồng nhân dân (HĐND), Họp Đảng đoàn HĐND, Phiên họp Thường trực HĐND; các cuộc hội, họp, đối thoại và làm việc do Thường trực HĐND và lãnh đạo các Ban HĐND chủ trì				
	<i>Ngoài chế độ chi tổ chức hội nghị được thực hiện theo các quy định hiện hành, chế độ chi tổ chức hội nghị phục vụ hoạt động của HĐND trong một số trường hợp được quy định như sau:</i>				
1	Kỳ họp HĐND				
1.1	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/buổi	250.000	200.000	150.000
1.2	Thư ký kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000	70.000
1.3	Đại biểu HĐND tham dự (kỳ họp HĐND, phiên họp Tổ thảo luận tài liệu trước kỳ họp HĐND). Riêng trường hợp kỳ họp được tổ chức vào ngày thứ bảy, chủ nhật thì mức chi cho đại biểu bằng 2 lần mức chi tại mục này (không chi tiền ngoài giờ)	đồng/người/buổi	150.000	100.000	70.000
1.4	Chế độ ăn đối với đại biểu, khách mời tham dự kỳ họp (nếu không đăng ký ăn thì được chi tiền)	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
1.5	Đại biểu cử tri (trừ cử tri đang hưởng lương nhà nước, doanh nghiệp) tham dự kỳ họp	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
1.6	Báo cáo tham luận	đồng/báo cáo	400.000	200.000	100.000
1.7	Hoàn thiện Biên bản kỳ họp	đồng/biên bản	600.000	200.000	100.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1.8	Cán bộ, công chức, nhân viên và người lao động phục vụ thực tế kỳ họp HĐND. Riêng phục vụ kỳ họp vào các ngày thứ bảy, chủ nhật được hưởng bằng 2 lần mức chi tại mục này (không chi tiền ngoài giờ)	đồng/người/buổi	90.000	70.000	50.000
2	Họp Đảng đoàn HĐND				
2.1	Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000		
2.2	Đại biểu, khách mời tham dự	đồng/người/buổi	100.000		
2.3	Hoàn thiện Biên bản cuộc họp	đồng/biên bản	200.000		
2.4	Xây dựng và hoàn thiện đề án, chương trình, kế hoạch nhiệm kỳ, hàng năm trình Đảng đoàn HĐND	đồng/văn bản	1.000.000		
2.5	Xây dựng và hoàn thiện báo cáo Đảng đoàn HĐND (chuyên đề, sơ và tổng kết Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy). Riêng Tờ trình Đảng đoàn HĐND bằng 50% của mức chi này	đồng/văn bản	1.000.000		
3	Phiên họp Thường trực HĐND hàng tháng, đột xuất				
3.1	Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
3.2	Đại biểu, khách mời tham dự	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
3.3	Hoàn thiện Biên bản phiên họp	đồng/biên bản	200.000	140.000	100.000
3.4	Hoàn thiện văn bản cho ý kiến của Thường trực, các Ban HĐND tỉnh đối với các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại phiên họp	đồng/văn bản	200.000	150.000	100.000
4	Chi hội nghị đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật				
4.1	Chủ trì hội nghị	đồng/người/cuộc	150.000		
4.2	Đại biểu, khách mời tham dự	đồng/người/cuộc	100.000		
4.3	Hoàn thiện Báo cáo tổng hợp	đồng/báo cáo	800.000	400.000	200.000
4.4	Báo cáo tham luận	đồng/báo cáo	400.000	200.000	100.000
5	Hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn				

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
5.1	Chủ trì hội nghị	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
5.2	Thư ký hội nghị	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
5.3	Chế độ ăn đối với đại biểu, khách mời tham dự hội nghị (tùy từng trường hợp cụ thể, Thường trực HĐND tỉnh quyết định đặt cơm hay chi tiền ăn cho đại biểu và khách mời)	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
6	<i>Đổi thoại, giải trình, cuộc họp của Ban HĐND và các cuộc họp khác</i>				
6.1	Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
6.2	Đại biểu, khách mời được mời tham dự	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
7	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ	đồng/người/buổi	70.000	50.000	30.000
8	Nước uống cuộc họp	đồng/người/ngày	Mức: 40.000		
II	<i>Chế độ chi hoạt động khảo sát, giám sát, tiếp xúc cử tri, họp Tổ đại biểu:</i>				
I	<i>Chi cho hoạt động khảo sát, giám sát</i>				
1.1	<i>Xây dựng văn bản giám sát, khảo sát</i>				
1.1.1	Xây dựng các văn bản giám sát của HĐND (nghị quyết thành lập Đoàn, Kế hoạch, thông báo, đề cương, báo cáo kết quả giám sát....)	đồng/cuộc	4.500.000	2.500.000	1.200.000
1.1.2	Xây dựng các văn bản giám sát của Thường trực, các Ban HĐND, Tổ đại biểu (quyết định thành lập đoàn, kế hoạch, thông báo, đề cương, báo cáo kết quả giám sát...)	đồng/cuộc	3.000.000	1.500.000	700.000
1.1.3	Xây dựng các văn bản khảo sát của Thường trực, các Ban HĐND, Tổ đại biểu (quyết định thành lập đoàn, kế hoạch, thông báo, đề cương, báo cáo kết quả khảo sát...)	đồng/cuộc	2.000.000	1.000.000	700.000
1.2	<i>Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát</i>				
1.2.1	Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
1.2.2	Thành viên đoàn	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	Chi các cuộc họp Đoàn giám sát, khảo sát				
2.1	Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
2.2	Đại biểu, khách mời được mời tham dự	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
3	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri				
3.1	Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (trường hợp các cấp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri thì cấp cao nhất chi). Trong đó:	đồng/điểm	3.000.000	2.000.000	1.000.000
	Đại diện cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì tiếp xúc cử tri	đồng/người/ cuộc	150.000	100.000	70.000
	Hoàn thiện Biên bản	đồng/Biên bản	100.000	70.000	50.000
3.2	Cơ quan được mời tiếp xúc cử tri chuyên đề	đồng/người/cuộc	100.000	70.000	50.000
3.3	Khoản chi tiếp xúc cử tri đối với đại biểu HĐND. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được chi bằng 50% theo chế độ hàng năm	đồng/người/năm	3.000.000	1.500.000	500.000
3.4	Hoàn thiện báo cáo tổng hợp tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo	1.200.000	600.000	300.000
3.5	Cán bộ, công chức, nhân viên tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/đợt	500.000	300.000	100.000
4	Chi họp Tổ đại biểu HĐND				
4.1	Đại biểu khách mời tham dự họp	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
4.2	Hỗ trợ các chi phí cho đơn vị, địa phương tổ chức họp Tổ đại biểu thảo luận trước kỳ họp	đồng/buổi	1.000.000	500.000	200.000
4.3	Hỗ trợ chi phí họp Tổ đại biểu định kỳ hàng quý	đồng/buổi	500.000	200.000	100.000
4.4	Hoàn thiện Biên bản họp Tổ đại biểu	đồng/báo cáo	200.000	100.000	50.000
4.5	Hoàn thiện báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND	đồng/báo cáo	1.200.000	600.000	300.000
5	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ	đồng/buổi	70.000	50.000	30.000
6	Nước uống cuộc họp	đồng/người/ngày	Mức: 40.000		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
III	Trường hợp trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, Thường trực HĐND quyết định nội dung chi tại mục I, II theo hình thức tổ chức trực tuyến		Thực hiện theo định mức chi cụ thể tại mục I, II của quy định này		
IV	Chi xây dựng và hoàn thiện văn bản				
1	Chi xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật		Thực hiện theo quy định hiện hành		
2	Xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết cá biệt	đồng/văn bản	1.000.000	500.000	200.000
3	Xây dựng báo cáo, chương trình, kế hoạch công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND				
3.1	Xây dựng báo cáo hoạt động 6 tháng, năm; chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm	đồng/báo cáo	1.000.000	700.000	500.000
3.2	Xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn (không bao gồm Nghị quyết)	đồng/kỳ họp	800.000	300.000	200.000
3.3	Các văn bản khác: Bài khai mạc, bế mạc kỳ họp; bài phát biểu; hướng dẫn tiếp xúc cử tri, thảo luận Tổ đại biểu; báo cáo giải trình tại kỳ họp qua tiếp xúc cử tri, thảo luận Tổ đại biểu; báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp; kịch bản kỳ họp; Thông báo nội dung và thời gian kỳ họp; Thông báo kết quả kỳ họp; Tờ trình của Thường trực HĐND tình hình tại kỳ họp; báo cáo tổng hợp các báo cáo thẩm tra	đồng/văn bản	600.000	300.000	200.000
3.4	Báo cáo thẩm tra các Báo cáo trình tại kỳ họp; Báo cáo thẩm tra Nghị quyết cá biệt	đồng/văn bản	500.000	300.000	200.000
4	Xây dựng và hoàn thiện các văn bản Tổng kết, sơ kết giữa nhiệm kỳ HĐND				
4.1	Xây dựng Nghị quyết tổng kết công tác nhiệm kỳ	đồng/văn bản	1.000.000	700.000	500.000
4.2	Xây dựng Kế hoạch tổng kết công tác nhiệm kỳ	đồng/văn bản	1.000.000	700.000	500.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
4.3	Xây dựng báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ của HĐND, Thường trực và các Ban HĐND	đồng/văn bản	1.500.000	1.000.000	500.000
4.4	Hoàn thiện văn bản xin ý kiến đối với Nghị quyết, kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ HĐND	đồng/văn bản	200.000	150.000	100.000
4.5	Báo cáo tham luận	đồng/cáo cáo	400.000	200.000	100.000
4.6	Xây dựng và hoàn thiện các văn bản sơ kết giữa nhiệm kỳ HĐND (Kế hoạch, báo cáo sơ kết, văn bản xin ý kiến, báo cáo tham luận)	đồng/văn bản	Bằng 50% của mức chi xây dựng và hoàn thiện văn bản tổng kết nhiệm kỳ		
4.7	Hoàn thiện Biên bản tổng kết, sơ kết nhiệm kỳ HĐND	đồng/biên bản	600.000	200.000	100.000
5	<i>Xây dựng và hoàn thiện các văn bản phiên giải trình, đối thoại</i>				
5.1	Xây dựng Kế hoạch chi tiết	đồng/văn bản	500.000	300.000	100.000
5.2	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả	đồng/văn bản	1.200.000	800.000	400.000
6	Chỉnh lý hoàn thiện Nghị quyết cá biệt	đồng/văn bản	150.000	100.000	50.000
7	Xây dựng và hoàn thiện báo cáo của Thường trực HĐND (chuyên đề, sơ và tổng kết) theo yêu cầu của cơ quan Trung ương và địa phương	đồng/văn bản	1.000.000	700.000	500.000
V	Hoạt động phí, tiền công và chế độ phụ cấp kiêm nhiệm				
1	Hoạt động phí của đại biểu HĐND	mức lương cơ sở /tháng	0,5	0,4	0,3
2	Tiền công hoạt động của đại biểu HĐND không chuyên trách không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu hoặc trợ cấp hàng tháng) từ ngân sách hoặc quỹ Bảo hiểm xã hội	mức lương cơ sở/ngày thực tế	0,14	0,12	0,1

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
3	Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm (chỉ được hưởng mức cao nhất trong trường hợp được nhận nhiều chức danh với mỗi cấp HĐND)				
3.1	Chủ tịch HĐND	người/tháng	Thực hiện theo Thông tư số 78/2005/TT- BNV		Thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP
3.2	Trưởng các Ban HĐND	mức lương cơ sở/ người/tháng	0,5	0,3	0,2
3.3	Phó Trưởng các Ban HĐND	mức lương cơ sở/ người/tháng	0,3	0,2	0,1
3.4	Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/ người/tháng	0,2	0,1	
3.5	Tổ phó Tổ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/ người/tháng	0,1	0,05	
VI	Chi tiếp công dân tại cơ quan				
1	Đại biểu HĐND, đại diện lãnh đạo các cơ quan có liên quan được mời tham gia tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
2	Cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000
3	Cán bộ, công chức gián tiếp phục vụ đại biểu tiếp công dân	đồng/người/buổi	30.000	20.000	10.000
4	Xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả tiếp công dân của đại biểu HĐND hàng năm	đồng/báo cáo	1.000.000	700.000	500.000
VII	Chi hỗ trợ đại biểu HĐND, cán bộ công chức trực tiếp phục vụ hoạt động HĐND				
1	Hỗ trợ đại biểu HĐND (trường hợp người làm nhiệm vụ đại biểu HĐND từ 02 cấp trở lên thì được hưởng chế độ của cấp cao nhất)				
1.1	Cấp tiền may lễ phục (02 bộ lễ phục/nhiệm kỳ)	đồng/nhiệm kỳ	10.000.000	6.000.000	4.000.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1.2	Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được chi bằng 50% theo chế độ hàng năm	đồng/năm	4.000.000	2.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ báo chí cho đại biểu HĐND	Tờ/ngày/đại biểu	Báo Đại biểu Nhân dân		
3	Hỗ trợ khai thác, truy cập thông tin phục vụ hoạt động của HĐND	đồng/tháng	400.000	200.000	100.000
4	Hỗ trợ may trang phục đối với cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ hoạt động HĐND	đồng/năm	2.000.000	1.000.000	500.000
VIII	Chế độ học tập kinh nghiệm, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ hoạt động HĐND				
	Quà tặng đối với Đoàn các tỉnh bạn đến và Đoàn của tỉnh đi đến các tỉnh bạn học tập, trao đổi kinh nghiệm	đồng/phần quà/đoàn	2.500.000	1.200.000	600.000
IX	Chế độ thăm hỏi, trợ cấp, quà lưu niệm				
	Chế độ thăm hỏi các đối tượng chính sách - xã hội				
1	Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; gia đình liệt sĩ, hộ nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an đóng quân ở vùng sâu, vùng xa... do Thường trực HĐND tổ chức Đoàn đến thăm hỏi	đồng/tập thể/suất	2.000.000	1.000.000	500.000
		đồng/cá nhân/suất	1.000.000	500.000	200.000
2	Đối với đại biểu HĐND				

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2.1	Thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HĐND đương nhiệm, nghỉ hưu (đối với bệnh thông thường nhưng phải nằm viện). Trường hợp đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo thực hiện chi thăm hỏi bằng 5 lần mức chi mục này (chi không quá 2 lần/năm)	đồng/người/lần	1.000.000	500.000	300.000
2.2	Thăm viếng các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/người/lần	1.500.000	800.000	400.000
2.3	Thăm viếng các vị nguyên là đại biểu HĐND chuyên trách	đồng/người/lần	1.000.000	500.000	300.000
2.4	Đại biểu HĐND đương nhiệm, nghỉ hưu; cha mẹ đẻ, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của đại biểu đương nhiệm nếu trừ trần được trợ cấp	đồng/người/lần	2.000.000	1.000.000	500.000
2.5	Quà lưu niệm cho đại biểu HDND khi kết thúc nhiệm kỳ (mức cụ thể, phương thức tặng quà do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định nhưng không vượt mức tối đa)	đồng/người	5.000.000	3.000.000	1.000.000
3	Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp giúp việc hoạt động HDND		Được áp dụng như mức chi thăm hỏi, trợ cấp, quà lưu niệm như Đại biểu HDND cùng cấp		
4	Quà tặng cán bộ công chức, viên chức người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động HDND khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu	đồng/người	1.500.000	1.000.000	500.000
X	Chế độ công tác phí của đại biểu HDND tham gia các hoạt động của HDND		Thực hiện theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí hoạt động của HDND các cấp		
XI	Các nội dung chi khác phục vụ các hoạt động của HDND các cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre khi có phát sinh		Thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành		